

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/01/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan X Thắng.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 371/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 2c, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Văn H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn 2c, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (X) và ông Triệu Văn H sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã E, huyện EK, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/2008, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông H không quan tâm đến gia đình và hay uống rượu say nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được. Đến tháng 01 năm 2020 thì chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Triệu Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung: Triệu Gia H1, sinh ngày 08/7/2008 và Triệu Yến N, sinh ngày 17/01/2011. Tôi có nguyện vọng giao 02 con chung H1 và N cho ông H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ghi ngày 10/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Triệu Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Thừa nhận thời gian chung sống và đăng ký kết hôn bà Bùi Thị X trình bày là đúng. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi nhau, xích mích, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Đến tháng 01 năm 2020 bà X xuống Bình Dương làm công nhân thì vợ chồng tôi ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị X.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung: Triệu Gia H1, sinh ngày 08/7/2008 và Triệu Yến N, sinh ngày 17/01/2011. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì tôi đồng ý trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung H1 và N đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Bùi Thị X được ly hôn với ông Triệu Văn H; Về con chung: giao 02(hai) con chung là Triệu Gia H1, sinh ngày 08/7/2008 và Triệu Yên N, sinh ngày 17/01/2011 cho ông Triệu Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Bùi Thị X khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Triệu Văn H. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn là ông Triệu Văn H có nơi cư trú tại thôn 2c, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Bùi Thị X và ông Triệu Văn H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/02/2008 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà X và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: bà X và ông H chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Mâu thuẫn đến tháng 01 năm 2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, ông H hay uống rượu không quan tâm gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Như vậy, xét tình cảm mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Thị X là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Xét lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án các đương sự thống nhất: Giao con chung Triệu Gia H1, sinh ngày 08/7/2008 và Triệu Yến N, sinh ngày 17/01/2011 cho ông Triệu Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Bùi Thị X có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà X không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Bùi Thị X phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001139 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử bà Bùi Thị X được ly hôn với ông Triệu Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Gia H1, sinh ngày 08/7/2008 và Triệu Yến N, sinh ngày 17/01/2011 cho ông Triệu Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Bùi Thị X có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà X không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị X phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001139 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Ba

